

## **BIỂU SỐ 001a.N/BCS-XHMT: SỐ TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Mục đích, ý nghĩa**

Phản ánh số lượng các tổ chức khoa học và công nghệ, làm căn cứ để đánh giá quy mô phát triển và tiềm lực khoa học và công nghệ của một địa phương hoặc của quốc gia; là cơ sở để nghiên cứu cơ cấu và biến động cơ cấu theo các chỉ tiêu khác nhau về tổ chức khoa học và công nghệ; là căn cứ để tính các chỉ tiêu thống kê khoa học công nghệ quan trọng khác có liên quan.

### **2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính và cách ghi biểu**

Tổ chức khoa học và công nghệ là đơn vị hạch toán độc lập có tư cách pháp nhân, độc lập về tổ chức, biên chế và kinh phí trong các hoạt động khoa học và công nghệ, bao gồm nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm:

i) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi chung là tổ chức nghiên cứu và phát triển).

Tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới các hình thức: Viện nghiên cứu và phát triển, trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và cơ sở nghiên cứu, phát triển khác.

ii) Trường đại học, học viện, trường cao đẳng (gọi chung là trường đại học).

Trường đại học là đơn vị nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, đào tạo theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

iii) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ là tổ chức có các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ, kinh nghiệm thực tiễn.

**Phương pháp tính:** Tổng số tổ chức khoa học và công nghệ có tại thời điểm báo cáo.

**Thời kỳ thu thập số liệu:** Số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm

**Cách ghi:**

Cột 1: Ghi tổng số tổ chức khoa học và công nghệ, phân theo khu vực hoạt động và theo loại hình tổ chức.

Cột 2-7: Ghi số tổ chức khoa học và công nghệ theo lĩnh vực hoạt động.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Loại hình tổ chức;
- Lĩnh vực khoa học;
- Loại hình kinh tế.

### **4. Nguồn số liệu**

Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.

## **BIỂU SỐ 002a.N/BCS-XHMT: SỐ NG- Ờ TRONG CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Mục đích, ý nghĩa**

Phản ánh số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ở một thời điểm nhất định, nói lên tiềm lực khoa học và công nghệ - kết quả của hoạt động cũng như mức độ đầu tư cho khoa học và công nghệ của một quốc gia. Theo dõi sự thay đổi về số tuyệt đối của chỉ tiêu này, đặc biệt là sự tăng lên của những người có học vị, chức danh khoa học hàng năm là điều kiện tiên đề để có sự tiến bộ và thành quả của hoạt động khoa học và công nghệ qua thời gian.

### **2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính và cách ghi biểu**

Người hoạt động trong khu vực khoa học và công nghệ là người đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên về một lĩnh vực khoa học và công nghệ và làm việc trong một lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Người hoạt động trong khu vực khoa học và công nghệ theo lĩnh vực hoạt động chính bao gồm:

i) Nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm: Là hoạt động mang tính hệ thống và sáng tạo, được thực hiện nhằm tăng cường khối lượng kiến thức, bao gồm kiến thức về con người, văn hóa và xã hội, và việc sử dụng kiến thức này để tạo ra những ứng dụng mới. Theo Luật Khoa học và Công nghệ, nghiên cứu khoa học là hoạt động phát hiện, tìm hiểu các hiện tượng, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo các giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn. Nghiên cứu khoa học bao gồm nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Triển khai thực nghiệm là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để làm thực nghiệm nhằm tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới.

ii) Giáo dục và đào tạo: Bao gồm giáo dục bậc cao đẳng, đại học và sau đại học.

iii) Dịch vụ khoa học và công nghệ: Là hoạt động liên quan tới nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, góp phần tạo ra, phổ biến và ứng dụng kiến thức khoa học và công nghệ, bao gồm:

+ Hoạt động thông tin-thư viện-lưu trữ: Là hoạt động dịch vụ của thư viện, kho lưu trữ, trung tâm thông tin và tư liệu, phòng tra cứu, trung tâm hội nghị khoa học, ngân hàng dữ liệu và các trung tâm xử lý tin.

+ Hoạt động bảo tàng khoa học và công nghệ: Là hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ của các bảo tàng về khoa học và công nghệ, vườn thực vật, vườn thú và các sưu tầm khoa học và công nghệ khác, như: Sưu tầm về nhân chủng học, khảo cổ học, địa lý...

+ Hoạt động dịch thuật và biên tập: Là hoạt động có tính hệ thống về dịch thuật và biên tập sách, tạp chí khoa học và công nghệ (không kể sách giáo khoa của các bậc học từ phổ thông đến đại học).

+ Hoạt động điều tra cơ bản: Điều tra về địa hình, địa lý và thủy văn; quan sát thường kỳ về thiên văn, khí tượng và địa chấn; điều tra về đất và cây trồng, các loài và các nguồn sống hoang dại; kiểm nghiệm thường kỳ về đất, không khí và nước; kiểm tra và theo dõi thường kỳ mức độ phóng xạ... Điều tra, thăm dò và các hoạt động có liên quan đến định vị và xác định các nguồn dầu và khoáng chất.

+ Hoạt động điều tra xã hội học: Thu thập thông tin một cách thường kỳ về các hiện tượng văn hóa, kinh tế, xã hội và con người phục vụ chủ yếu cho mục đích thống kê định kỳ, ví dụ: Tổng điều tra dân số; thống kê về sản xuất, phân phối và tiêu thụ; nghiên cứu thị trường; thống kê văn hóa-xã hội...

+ Hoạt động xét nghiệm, tiêu chuẩn hoá, đo lường và kiểm tra chất lượng: Là hoạt động thường kỳ về phân tích, kiểm tra, xét nghiệm bằng các phương pháp đã biết về nguyên liệu, sản phẩm, phương tiện và quy trình, cùng với việc thành lập và duy trì các tiêu chuẩn và chuẩn về đo lường.

+ Hoạt động tư vấn thông tin: Hoạt động thường kỳ về tư vấn cho khách hàng về sử dụng thông tin khoa học, công nghệ và quản lý.

+ Hoạt động liên quan đến quyền tác giả và giấy phép: Hoạt động có tính hệ thống về bản chất khoa học, pháp lý và hành chính của quyền tác giả và các giấy phép do các cơ quan Nhà nước thực hiện.

Người làm nghiên cứu và phát triển bao gồm:

a) Nhà nghiên cứu: Là những người làm nghiên cứu chuyên nghiệp có trình độ từ đại học trở lên hoặc thực hiện những công việc tương đương những người có trình độ đại học trở lên, tham gia vào quá trình tạo ra những tri thức, sản phẩm, quy trình, phương pháp, hệ

thống mới. Nhóm này bao gồm cả những người làm công tác quản lý trực tiếp hoạt động nghiên cứu và phát triển trong các tổ chức nghiên cứu và phát triển.

b) Nhân viên kỹ thuật và tương đương: Là những người mà công việc chuyên môn đòi hỏi phải có kinh nghiệm và kiến thức nhất định trong một lĩnh vực khoa học và công nghệ nào đó. Họ tham gia vào hoạt động nghiên cứu và phát triển qua việc thực hiện những công việc khoa học kỹ thuật có áp dụng các khái niệm và phương pháp dưới sự giám sát của các nhà nghiên cứu.

c) Nhân viên phụ trợ trực tiếp: Là những người có hoặc không có kỹ năng nghiên cứu hoặc trợ giúp nghiên cứu, nhân viên hành chính và văn phòng tham gia vào các dự án nghiên cứu và phát triển. Nhóm này bao gồm cả những người làm các công việc liên quan đến nhân sự, tài chính nếu những công việc này trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển của các tổ chức nghiên cứu và phát triển.

**Phương pháp tính:** Tổng số cán bộ khoa học và công nghệ tại một thời điểm nhất định.

**Thời kỳ thu thập số liệu:** Số liệu có đến ngày 31/12 hàng năm.

**Cách ghi:**

- Cột 1: Ghi tổng số cán bộ có tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, phân theo giới tính, dân tộc, lĩnh vực hoạt động và lĩnh vực đào tạo.

- Cột 2: Ghi tổng số người làm nghiên cứu và phát triển.

- Cột 3 - Cột 7: Ghi cán bộ có tham gia hoạt động khoa học và công nghệ theo học vị và chức danh.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Giới tính;
- Dân tộc;
- Loại hình tổ chức;
- Lĩnh vực khoa học;
- Loại hình kinh tế;
- Lĩnh vực hoạt động;
- Lĩnh vực đào tạo;
- Trình độ chuyên môn;
- Chức danh.

#### **4. Nguồn số liệu**

Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.

### **BIỂU SỐ 003a.N/BCS-XHMT: SỐ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

#### **1. Mục đích, ý nghĩa**

Chỉ tiêu phản ánh số lượng các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phục vụ đánh giá sự phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

#### **2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính và cách ghi biểu**

Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nội dung chủ yếu là nghiên cứu về một chủ đề khoa học và công nghệ. Khi xây dựng đề tài, dự án phải nêu rõ mục tiêu, đối tượng, nội dung, phạm vi nghiên cứu. Đề tài, dự án được xây dựng dựa trên việc đánh giá khách quan thực trạng phát triển khoa học và công nghệ trong nước và các thành tựu phát triển khoa học và công nghệ trên thế giới.

Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đang thực hiện là đề tài đang tiến hành thực hiện.

Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được nghiệm thu là đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu theo quy định của pháp luật.

Đề tài, dự án đã được đưa vào ứng dụng là đề tài khoa học mà kết quả nghiên cứu được chuyển giao ứng dụng vào sản xuất và đời sống.

**Phương pháp tính:** Tổng số đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại thời điểm báo cáo.

**Thời kỳ thu thập số liệu:** Số liệu thời kỳ một năm của năm báo cáo.

#### **Cách ghi:**

Cột 1: Ghi Tổng bằng cột 1 + 2 + 3.

Cột 2: Ghi số đề tài, dự án khoa học và phát triển công nghệ đang được thực hiện trong năm báo cáo

Cột 3: Ghi số đề tài, dự án khoa học và phát triển công nghệ được nghiệm thu trong năm báo cáo

Cột 4: Ghi số đề tài, dự án khoa học và phát triển công nghệ đã đưa vào ứng dụng trong năm báo cáo.

### **3. Phân tổ chủ yếu**

- Cấp đề tài;
- Dự án;
- Lĩnh vực nghiên cứu;
- Cấp quản lý;
- Nguồn và mức kinh phí.

### **4. Nguồn số liệu**

Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.

## **BIỂU SỐ 004a.N/BCS-XHMT: CHI CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Mục đích, ý nghĩa**

Chỉ tiêu phản ánh tổng số kinh phí của các loại hình kinh tế trong tỉnh/thành phố đã chi cho lĩnh vực khoa học và công nghệ trong một thời kỳ nhất định, là cơ sở để quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của địa phương.

### **2. Khái niệm, nội dung, phương pháp tính và cách ghi biểu**

Chi cho hoạt động khoa học và công nghệ: Là tổng số tiền chi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tất cả các đơn vị khoa học và công nghệ, các tổ chức, các doanh nghiệp.

Hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm:

+ Nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và phát triển khoa học tự nhiên: Bao gồm các nghiên cứu cơ bản, ứng dụng khoa học trong các lĩnh vực toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, khoa học trái đất, khoa học sự sống, y học, nông, lâm nghiệp...

+ Nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và phát triển khoa học xã hội và nhân văn: Bao gồm các nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và phát triển khoa học trong các lĩnh vực kinh tế, tâm lý, lập pháp, ngôn ngữ nghệ thuật.

+ Các hoạt động khoa học khác.

**Phương pháp tính:** Nguồn chi bao gồm: Ngân sách nhà nước, tài trợ quốc tế, chi của doanh nghiệp, chi của hộ cá thể cho hoạt động khoa học và công nghệ.

**Thời kỳ thu thập số liệu:** Số liệu thời kỳ một năm của năm báo cáo.

***Cách ghi:***

Cột 1: Ghi Tổng bằng cột 1 + 2 + 3.

Cột 2 - Cột 4: Ghi nguồn chi, khoản chi theo lĩnh vực hoạt động thực hiện trong năm báo cáo.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Nội dung kinh tế;
- Nguồn;
- Lĩnh vực hoạt động.

**4. Nguồn số liệu**

- Chi ngân sách theo loại, khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh/thành phố;
- Kết quả điều tra doanh nghiệp, điều tra hộ cá thể;
- Báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.

